

Số: 23 /GPMT - UBND

Dĩ An, ngày 09 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định 3484/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của UBND thành phố Dĩ An về việc Ủy quyền phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định cấp/cấp đổi/điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố Dĩ An;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất các loại nón, túi xách, logo, vali, vớ, khăn, bao tay, gia công thêu vi tính các loại, công suất 900.000 sản phẩm/năm; Cắt laser, khắc laser công suất 300.000 sản phẩm/năm” của Công ty TNHH thêu Nam Phong;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Dĩ An tại Tờ trình số 550/TTr-PTNMT ngày 06 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH thêu Nam Phong, địa chỉ tại số 28, đường số 6, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất các loại nón, túi xách, logo, vali, vớ, khăn, bao tay, gia công thêu vi tính các loại, công suất 900.000 sản phẩm/năm; Cắt laser, khắc laser công suất 300.000 sản phẩm/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất các loại nón, túi xách, logo, vali, vớ, khăn, bao tay, gia công thêu vi tính các loại, công suất 900.000 sản phẩm/năm; Cắt laser, khắc laser công suất 300.000 sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 28, đường số 6, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 8756029839 do Ban quản lý các khu

công nghiệp Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2001, chứng nhận thay đổi lần 7 ngày 07 tháng 06 năm 2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH thù Nam Phong mã số 3700398335 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2001, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 24 tháng 5 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 3700398335

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất các loại nón, túi xách, logo, vali, vớ, khăn, bao tay, gia công thù vi tính; Cắt laser, khắc laser...

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích dự án: 6.021m²

- Dự án có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm III quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công) và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Công suất thiết kế: sản xuất các loại nón, túi xách, logo, vali, vớ, khăn, bao tay, gia công thù vi tính các loại, công suất 900.000 sản phẩm/năm; Cắt laser, khắc laser công suất 300.000 sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình thù: Nguyên liệu (bán thành phẩm) → Kiểm tra, phân loại → Thù → Kiểm tra → Thành phẩm → Giao cho khách hàng.

+ Quy trình cắt laser, khắc laser: Nguyên liệu (bán thành phẩm) → Kiểm tra, phân loại → Cắt, khắc laser → Kiểm tra → Thành phẩm → Giao cho khách hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH thuê Nam Phong được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH thuê Nam Phong có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND thành phố Dĩ An.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 07. tháng 12 năm 2024 đến ngày 07 tháng 12 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy sản xuất các loại nón, túi xách, logo, vali, vớ, khăn, bao tay, gia công thêu vi tính các loại, công suất 900.000 sản phẩm/năm; Cắt laser, khắc laser công suất 300.000 sản phẩm/năm” của Công ty TNHH thuê Nam Phong, địa chỉ tại số 28 đường số 6, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Công ty TNHH thuê Nam Phong;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;
- CT, PCT UBND Thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Thành phố Dĩ An;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND phường Dĩ An;
- LĐVP, CVKT;
- Lưu: VT.

**TM ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Trọng Tài

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 23.../GPMT-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do nước thải phát sinh được thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Sóng Thần 2, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Đã có thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải Khu công nghiệp Sóng Thần 2 theo các văn bản đã ký với Công ty Cổ phần Đại Nam (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Sóng Thần 2 và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh của khu nhà ăn tự chảy theo đường ống nhựa PVC đường kính Ø114mm về bể tự hoại tại khu vực nhà ăn (thể tích 30m³), sau đó chảy vào hố ga tập trung trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Sóng Thần 2.

- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh văn phòng tự chảy theo đường ống nhựa PVC đường kính Ø114mm về bể tự hoại tại khu vực văn phòng (thể tích 30m³), sau đó chảy vào hố ga tập trung trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Sóng Thần 2.

- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh khu nhà xưởng tự chảy theo đường ống nhựa PVC đường kính Ø114mm về bể tự hoại tại khu vực nhà xưởng (thể tích 30m³), sau đó chảy vào hố ga tập trung trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Sóng Thần 2.

Toàn bộ lượng nước thải (35,2 m³/ngày) được xử lý sơ bộ bằng 03 bể tự hoại, sau đó thu gom về hố ga tập trung trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Sóng Thần 2 tại 01 điểm trên đường số 6 tọa độ X (m) = 1204703.19; Y (m) = 609784.48 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình:

+ Nguồn số 1, 2, 3 → 03 Bể tự hoại (Tổng thể tích 90m³) → Hồ ga tập trung → Tự chảy vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Sóng Thần 2.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Rà soát, thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được thẩm định.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống thu gom nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố đối với hệ thống thu gom nước thải. Cập nhật tình hình hoạt động vào sổ theo dõi hàng ngày.

- Khi phát hiện đường ống dẫn nước thải bị rò rỉ nước cần khắc phục kịp thời tránh nước thải tràn ra ngoài.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Đào tạo đội ngũ nhân viên nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Trường hợp xảy ra sự cố, Chủ cơ sở phải tiến hành dừng hoạt động hoặc giảm công suất sản xuất; tiến hành rà soát các công trình, thiết bị xử lý nước thải, quy trình vận hành hệ thống để xác định nguyên nhân và đưa ra các giải pháp khắc phục, cải tạo hoặc nâng cấp công trình xử lý; đồng thời báo cơ quan chức năng để phối hợp xử lý.

- Định kỳ hằng năm thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thu gom và tiêu thoát nước mưa nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh và thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Sóng Thần 2.

- Đảm bảo phương án đấu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Sóng Thần 2 để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt

tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư KCN Sóng Thần 2 và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 22.../GPMT-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải từ máy cắt laser số 01
- Nguồn số 2: Khí thải từ máy cắt laser số 02
- Nguồn số 3: Khí thải từ máy cắt laser số 03
- Nguồn số 4: Khí thải từ máy cắt laser số 04
- Nguồn số 5: Khí thải từ máy cắt laser số 05
- Nguồn số 6: Khí thải từ máy cắt laser số 06
- Nguồn số 7: Khí thải từ máy cắt laser số 07
- Nguồn số 8: Khí thải từ máy cắt laser số 08
- Nguồn số 9: Khí thải từ máy cắt laser số 09
- Nguồn số 10: Khí thải từ máy cắt laser số 10
- Nguồn số 11: Khí thải từ máy cắt laser số 11
- Nguồn số 12: Khí thải từ máy cắt laser số 12
- Nguồn số 13: Khí thải từ máy cắt laser số 13
- Nguồn số 14: Khí thải từ máy cắt laser số 14
- Nguồn số 15: Khí thải từ máy cắt laser số 15
- Nguồn số 16: Khí thải từ máy cắt laser số 16
- Nguồn số 17: Từ hoạt động của máy phát điện

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01 (nguồn thải số 1, 2, 3, 4, 5): $X(m) = 1204663.20$; $Y(m) = 609855.03$
- Dòng khí thải số 02 (nguồn thải số 6, 7, 8, 9, 10): $X(m) = 1204666.31$; $Y(m) = 609856.98$
- Dòng khí thải số 03 (nguồn thải số 11, 12, 13, 14, 15, 16): $X(m) = 1204667.64$; $Y(m) = 609858.62$
- Dòng khí thải số 04 (nguồn thải số 17): $X(m) = 1204705.69$; $Y(m) = 609800.41$

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 03: lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $2,5 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: xả liên tục 24/24 giờ trong thời gian Công ty hoạt động, qua ống khói thải D400mm, cao 10m.
- Dòng khí thải số 02: xả liên tục 24/24 giờ trong thời gian Công ty hoạt động, qua ống khói thải D400mm, cao 10m.
- Dòng khí thải số 03: xả liên tục 24/24 giờ trong thời gian Công ty hoạt động, qua ống khói thải D400mm, cao 10m.
- Dòng khí thải số 04: xả gián đoạn khi có hoạt động từ máy phát điện, qua ống khói thải D102mm, cao 3m.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, $k_p=1$, $k_v=1$; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
- Đối với dòng khí thải số 1, 2, 3					
1	Lưu lượng	m^3/h	-	6 tháng/lần (Theo đề xuất của Công ty)	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	200		
3	SO_2	mg/Nm^3	500		
4	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	850		
5	Cacbon oxit, CO	mg/Nm^3	1000		

6	Formaldehyde	mg/Nm ³	20		
---	--------------	--------------------	----	--	--

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 1: Khí thải phát sinh từ máy cắt laser số 01, 02, 03, 04, 05 được thu gom bằng quạt hút qua ống nhựa xoắn D200mm, sau đó dòng khí được dẫn qua ống thu gom kẽm D300mm, D400mm về buồng than hoạt tính số 01 và thoát ra môi trường thông qua ống thải D400mm, cao 10m.

- Dòng khí thải số 2: Khí thải phát sinh từ máy cắt laser số 06, 07, 08, 09, 10 được thu gom bằng quạt hút qua ống nhựa xoắn D200mm, sau đó dòng khí được dẫn qua ống thu gom kẽm D300mm, D400mm về buồng than hoạt tính số 02 và thoát ra môi trường thông qua ống thải D400mm, cao 10m.

- Dòng khí thải số 3: Khí thải phát sinh từ máy cắt laser số 11, 12, 13, 14, 15, 16 được thu gom bằng quạt hút qua ống nhựa xoắn D200mm, sau đó dòng khí được dẫn qua ống thu gom kẽm D300mm, D400mm về buồng than hoạt tính số 03 và thoát ra môi trường thông qua ống thải D400mm, cao 10m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 1: Khí thải → Ống thu gom D200 (ống nhựa xoắn tích hợp trên máy laser) → Ống thu gom kẽm D300 → Ống thu gom kẽm D400 → Quạt hút 20HP, công suất 20.000 m³/h → Buồng than hoạt tính → Ống thoát hơi D400, cao 10m.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính thay thế định kỳ 80 kg/năm.

- Dòng khí thải số 2: Khí thải → Ống thu gom D200 (ống nhựa xoắn tích hợp trên máy laser) → Ống thu gom kẽm D300 → Ống thu gom kẽm D400 → Quạt hút 20HP, công suất 20.000 m³/h → Buồng than hoạt tính → Ống thoát hơi D400, cao 10m.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính thay thế định kỳ 80 kg/năm.

- Dòng khí thải số 3: Khí thải → Ống thu gom D200 (ống nhựa xoắn tích hợp trên máy laser) → Ống thu gom kẽm D300 → Ống thu gom kẽm D400 → Quạt hút 20HP, công suất 20.000 m³/h → Buồng than hoạt tính → Ống thoát hơi D400, cao 10m.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính thay thế định kỳ 80 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Rà soát, thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được thẩm định.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp thụ, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Khi xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho đến khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm môi trường không khí. Đồng thời, thông báo cơ quan có chức năng có liên quan các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 12/2024 đến tháng 06/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 03 Công trình, thiết bị xử lý khí thải 20.000 m³/giờ/công trình

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiều 3°.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Thêu Nam Phong phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của thiết bị xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải: 3 ngày liên tiếp

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu khí thải: mẫu đơn tại ống thải khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới bổ sung hoặc thay thế quy chuẩn hiện hành thì phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu hấp phụ để thường xuyên vận hành hiệu quả, công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...~~22~~.../GPMT-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:
1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tại khu vực máy thuê vi tính xưởng A;
- Nguồn số 2: Tại khu vực máy thuê vi tính xưởng B;
- Nguồn số 3: Tại hệ thống xử lý khí thải số 01;
- Nguồn số 4: Tại hệ thống xử lý khí thải số 02;
- Nguồn số 5: Tại hệ thống xử lý khí thải số 03;
- Nguồn số 6: Tại máy phát điện;

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tọa độ X (m) = 1204691.76; Y (m) = 609836.19;
- Nguồn số 2: Tọa độ X (m) = 1204660.61; Y (m) = 609819.52;
- Nguồn số 3: Tọa độ X (m) = 1204652.37; Y (m) = 609800.06;
- Nguồn số 4: Tọa độ X (m) = 1204647.79; Y (m) = 609805.46;
- Nguồn số 5: Tọa độ X (m) = 1204642.31; Y (m) = 609816.11;
- Nguồn số 6: Tọa độ X (m) = 1204705.75; Y (m) = 609800.46;

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:
1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy và các thiết bị.

- Thường xuyên kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này. Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới bổ sung hoặc thay thế quy chuẩn hiện hành thì phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4



YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	20
2	Giẻ lau vệ sinh máy móc, thiết bị	18 02 01	Rắn	6
3	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	5
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	52
5	Pin ắc quy thải	16 01 12	Rắn	1
6	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	Rắn	240
TỔNG KHỐI LƯỢNG				324

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Số lượng (tấn/năm)
1	Bao nylon thải không dính các thành phần nguy hại	0,1
2	Giấy văn phòng thải	0,1
3	Băng keo dư, giấy lót	12,915
4	Nhựa thải (lõi chỉ bằng nhựa)	0,117
TỔNG KHỐI LƯỢNG		13,232

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động công nhân viên, khối lượng 66.000 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại (CTNH):

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 05 thùng loại 25 lít 01 thùng loại 25 lít có nắp đậy, dán nhãn để thu gom và bảo quản CTNH. Bên ngoài thùng chứa có dán mã chất thải nguy hại tương ứng Thông tư 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 1 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Khu vực lưu chứa CTNH có tường bao, mái che bằng tole, nền tráng xi măng, có rãnh chống tràn và hố thu, có biển cảnh báo nguy hại theo quy định, được trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 51 thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn với thể tích mỗi thùng là 50-60 lít/thùng.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 19 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: kết cấu có mái che bằng tôn, bảo đảm mặt sàn kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu, có gờ, trước cửa kho có gắn biển cảnh báo theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 12 thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn với thể tích mỗi thùng từ 10 - 240 lít/thùng.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa ngoài trời: khu vực gần cổng bảo vệ

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đảm bảo, chất thải phát sinh được thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định hiện hành.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

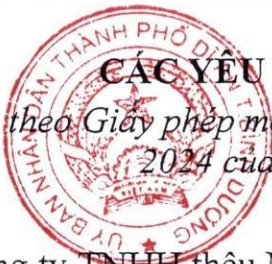
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 22..../GPMT-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)



1. Công ty TNHH Thêu Nam Phong có trách nhiệm thực hiện các công tác bảo vệ môi trường theo đúng nội dung giấy phép môi trường được cấp phép trong quá trình hoạt động.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.